**Phụ lục**

**ĐƠN GIÁ QUẢN LÝ ĐẤT CÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số …/2023/QĐ-UBND*

*ngày …tháng … năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)*

**THUYẾT MINH PHƯƠNG PHÁP TÍNH**

**1. Cơ sở xác định đơn giá**

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

- Luật Giá ngày 20/6/2012;

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

- Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

- Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

- Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về quy định chế độ tiền lương đối với cán bộ công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

- Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của luật bảo hiểm y tế;

- Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp;

- Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc;

- Nghị định số 58/2020/NĐ-CP ngày 27/5/2020 của Chính phủ quy định mức đóng bảo hiểm bảo hiểm xã hội bắt buộc vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

- Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (là 1.800.000 đồng/tháng);

- Thông tư liên tịch số 16/TTLT-BTNMT-BNV-BTC ngày 04/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính, hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của Trung tâm Phát triển quỹ đất trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

- Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của UBND tỉnh Trà Vinh về ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật Quản lý đất công trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**2. Nội dung đơn giá**

Đơn giá Quản lý đất công trên địa bàn tỉnh Trà Vinhbao gồm:

a) Đơn giá lập phương án quản lý đất công;

b) Đơn giá kiểm tra, quản lý ranh giới, hiện trạng sử dụng của từng khu đất;

c) Đơn giá lập báo cáo về kiểm tra, quản lý đất công.

**3. Cơ cấu, thành phần của đơn giá**

Cơ cấu, thành phần đơn giá được xây dựng theo hướng dẫn tại Phụ lục số 02 - Dự toán chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án (hoặc hạng mục công việc của nhiệm vụ, dự án) có định mức kinh tế - kỹ thuật của Thông tư 136/2017/TT-BTC.

| **TT** | **Thành phần đơn giá** | **Cách tính** |
| --- | --- | --- |
| **I** | **Chi phí trực tiếp** | **1 + 2 + 3** |
| 1 | Chi phí lao động kỹ thuật*(Số công theo định mức x đơn giá công LĐKT)* | 1 |
| 2 | Chi phí vật liệu*(Định mức vật liệu x đơn giá vật liệu)* | 2 |
| 3 | Chi phí công tác phí*(Định mức tiêu hao x đơn giá do nhà nước quy định)* | 3.a + 3.b |
| *3.a* | *Chi phí đi lại (nhiên liệu)* | *3.a* |
| *3.b* | *Chi phí phụ cấp lưu trú*  | *3.b* |
| **II** | **Chi phí quản lý chung** | **1 + 2** |
| *1* | *Nội nghiệp* | I x 15% |
| *2* | *Ngoại nghiệp* | I x 20% |
|  | **Đơn giá sản phẩm** | **I + II** |

Trong đó từng chi phí thành phần được xác định như sau:

***3.1. Chi phí trực tiếp***

***a) Chi phí lao động kỹ thuật***

Chi phí lao động kỹ thuật bằng (=) số công lao động kỹ thuật theo định mức nhân (x) đơn giá ngày công lao động kỹ thuật.

Trong đó:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Đơn giá ngày công lao động kỹ thuật | = | Tiền lương 1 tháng theo cấp bậc kỹ thuật quy định trong định mức | + | Các khoản phụ cấp, đóng góp 01 tháng theo chế độ |
| 26 ngày công/tháng |

Tiền lương 01 tháng theo cấp bậc kỹ thuật quy định trong định mức thực hiện theo hệ số lương ban hành theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và văn bản sửa đổi, thay thế (nếu có); mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ là 1.800.000 đồng/tháng.

Các khoản đóng góp khác *(23,5% x Tiền lương theo cấp bậc)* như: Bảo hiểm xã hội (17,5%), bảo hiểm y tế (3%), bảo hiểm thất nghiệp (1%), kinh phí công đoàn (2%).

Ngày công tính bằng 08 giờ làm việc, một tháng làm việc 26 ngày.

***b) Chi phí vật liệu***

- Là giá trị vật liệu chính, vật liệu phụ dùng trực tiếp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, dự án.

- Chi phí vật liệu bằng (=) Tổng số lượng từng loại vật liệu theo định mức nhân (x) đơn giá từng loại vật liệu.

- Chi phí vật liệu được tính trên cơ sở giá vật liệu (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) theo bảng báo giá tại thời điểm tháng 5/2023 của các đơn vị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

***c) Chi phí công tác phí***

- Chi phí đi lại (nhiên liệu):

+ Chi phí đi lại (nhiên liệu): Là chi phí sử dụng nhiên liệu trong thời gian thực hiện nhiệm vụ, dự án.

+ Chi phí nhiên liệu bằng (=) số nhiên liệu tiêu hao theo định mức nhân (x) đơn giá do Nhà nước quy định.

+ Đơn giá nhiên liệu (xăng A92): Được tính theo báo giá ngày 25/5/2023 của Petrolimex.

- Chi phí phụ cấp lưu trú: là khoản tiền hỗ trợ thêm cho người đi công tác ngoài tiền lương do cơ quan, đơn vị cử người đi công tác chi trả, được tính từ ngày bắt đầu đi công tác đến khi kết thúc đợt công tác về cơ quan, đơn vị (bao gồm thời gian đi trên đường, thời gian lưu trú tại nơi đến công tác, với mức phụ cấp được quy định tại Tiết 2.2, Khoản 2, Điều 4 Nghị quyết 48/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

***3.2. Chi phí quản lý chung***

- Áp dụng định mức 20% trên chi phí trực tiếp cho nhóm công việc ngoại nghiệp; định mức 15% trên chi phí trực tiếp cho nhóm công việc nội nghiệp bảng nhóm công việc cột nhiệm vụ, dự án (hoặc hạng mục công việc có định mức kinh tế kỹ thuật), quy định tại điểm a khoản 3 Mục II Phụ lục số 04 của Thông tư 136/2017/TT-BTC.

*(Kèm theo Phụ lục đơn giá)*

**4. Hướng dẫn áp dụng đơn giá**

1. Áp dụng đơn giá để tính chi phí:

Chi phí trong đơn giá bằng (=) Khối lượng công việc nhân (x) Đơn giá sản phẩm

2. Đơn giá chỉ tính cho 01 khu đất, khi triển khai thực hiện nếu có nhiều khu đất thì mỗi khu đất sẽ áp dụng tương tự cho từng khu đất được giao quản lý.

3. Tại công tác kiểm tra, quản lý ranh giới, hiện trạng sử dụng của từng khu đất đơn giá chỉ tính trung bình cho 01lần/tháng kiểm tra, quản lý đất cho 01 khu đất. Khi tính đơn giá cho khu đất thì căn cứ vào diện tích khu đất được giao quản lý tiến hành kiểm tra định kỳ được tính cụ thể như sau:

+ Đối với khu đất có diện tích ≤10.000m2 kiểm tra 02 lần/tháng.

+ Đối với khu đất có diện tích từ 10.000m2 - 25.000m2 kiểm tra 03 lần/tháng.

+ Đối với khu đất có diện tích > 25.000m2 kiểm tra từ 04 lần/tháng.

4. Đơn giá này được tính theo mức lương cơ sở là 1.800.000 đồng và chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Các chi phí phát sinh ngoài đơn giá được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

5. Đơn giá Quản lý đất công trên địa bàn tỉnh Trà Vinh được công bố để các tổ chức, đơn vị có liên quan tham khảo trong lập và quản lý chi phí Quản lý đất công trên địa bàn tỉnh Trà Vinh./.